

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND Đức Phổ, ngày tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các kiến nghị tại Kết luận số 246/KL-HĐND ngày 07/12/2020 của Thường trực HĐND thị xã

Thực hiện Báo cáo số 86/BC-HĐND ngày 26/8/2021 của Thường trực HĐND thị xã Đức Phổ kết quả thực hiện Chương trình giám sát năm 2020. UBND thị xã Đức Phổ báo cáo như sau:

Thực hiện kiến nghị của Thường trực HĐND thị xã Đức Phổ tại Báo cáo số 86/BC-HĐND ngày 26/8/2021 Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình giám sát năm 2020; UBND thị xã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, phường đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 một cách khách quan, chính xác để có giải pháp thực hiện hiệu quả hơn trong giai đoạn tiếp theo;

UBND thị xã báo cáo Kết quả thực hiện Kết luận số 201-KL/HU ngày 08/7/2016 của Huyện ủy về phát triển nông nghiệp xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020 tại Báo cáo số 228/BC-UBND ngày 07/7/2021;

UBND thị xã tham mưu cho Ban Thường vụ Thị ủy xây dựng Nghị quyết về phát triển nông nghiệp xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025 và được Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Đảng bộ Thị ủy Đức Phổ khóa XXI nhiệm kỳ 2020-2025 thông qua;

Để đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém thực hiện Đề án một cách khách quan, chính xác và có giải pháp thực hiện hiệu quả hơn trong giai đoạn 2021-2025; UBND thị xã báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 và tiếp tục xây dựng Kế hoạch cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể như sau:

I. Kết quả chủ yếu đạt được

Tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp giai đoạn 2015-2020 khoảng 12,85%. Sản lượng lương thực năm 2020 đạt 53.996 tấn, lương thực bình quân đầu người 357 kg/người; cơ cấu nông, lâm nghiệp và thủy sản đã chuyển biến tích cực: tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 18,5% năm 2015 xuống còn 13% năm 2020; công tác dồn điền đổi thửa chuyên đổi cơ cấu cây trồng ngày càng được chú trọng: đã chuyển đổi được 434,8 ha từ đất trồng lúa thiếu nước sang trồng các loại cây trồng khác như: Lạc, ngô, mè..., với tổng kinh phí 4.601,943 triệu đồng (Trong đó: ngân sách tỉnh 2.330,090 triệu đồng, ngân sách thị xã 2.271,853 triệu đồng); Tổng diện tích thực hiện dồn điền đổi thửa đến năm 2020 là 1.943,31/2.688 ha, đạt 72,29% diện tích kế hoạch, trong đó: Năm 2015: 64,09

ha; Năm 2016: 370,22 ha; Năm 2017: 766,05 ha; Năm 2018: 625,73ha; Năm 2019: dùng phê duyệt phương án mới; Năm 2020: 117,22 ha (*trong đó có: 8,75ha sử dụng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước*). Chăn nuôi hình thức nhỏ lẻ, hộ gia đình dần được thay thế bằng chăn nuôi trang trại, gia trại; đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng nghề cá đang được các cấp, ngành quan tâm, đã giải quyết những khó khăn trước mắt cho ngư dân, số lượng tàu thuyền đánh bắt xa bờ có công suất > 90CV được ngư dân đầu tư đóng mới, cải hoán, đã từng bước trang bị các phương tiện đánh bắt hiện đại góp phần tăng sản lượng thủy sản đánh bắt; các cơ sở chế biến thủy sản được hình thành, các chính sách hỗ trợ, khuyến khích ngư dân được quan tâm thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân vươn khơi bám biển, tăng thu nhập, giải quyết việc làm, tham gia tích cực vào việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo Tổ quốc; việc áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất giống, các quy trình nuôi tiên tiến, việc xử lý môi trường ao nuôi, công tác phòng, chống dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản được các địa phương chú trọng, nhờ đó mà sản lượng luôn đạt và vượt kế hoạch; việc trồng rừng sản xuất được đẩy nhanh nhờ chính sách giao đất, giao rừng, các Dự án đầu tư của Nhà nước, các doanh nghiệp đã tăng cường đầu tư vào phát triển rừng,...nên tỷ lệ che phủ rừng tăng từ 38,26% năm 2016 lên 42,02% vào năm 2020; các công trình thủy lợi ngày càng hoàn thiện, đầu tư kiên cố hóa, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

II. Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

1. Tồn tại, hạn chế:

- **Về trồng trọt:** Việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn thị xã tuy đã triển khai nhưng thực hiện còn chậm, việc khảo sát lựa chọn cây trồng, vật nuôi còn nhiều lúng túng, thiếu định hướng cụ thể, do chưa xác định được lợi thế của từng vùng, từng địa phương để chọn đối tượng chủ lực; nhiều cánh đồng lớn được hình thành nhưng cũng chỉ bố trí sản xuất lúa, chưa tập trung chuyển đổi cây trồng phù hợp để nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất; chưa hình thành vùng sản xuất chuyên canh, sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ, chưa tạo ra hàng hóa...

- **Về chăn nuôi:** Dịch bệnh ở gia súc, gia cầm ngày càng phức tạp hơn gây khó khăn cho sản xuất ngành chăn nuôi. Nước thải và chất thải chăn nuôi trong khu dân cư chưa được thu gom và xử lý kịp thời, gây ô nhiễm môi trường sống trong khu dân cư ở một số địa phương.

- **Về lâm nghiệp:** Tình trạng phá rừng thuộc dự án kfW6 ở các xã, phường: Phổ Cường, Phổ Khánh, Phổ Thạnh, Phổ Châu còn xảy ra, chưa có giải pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời; Công tác phát triển rừng vẫn còn chậm, chưa chú trọng trồng mới và chuyển hóa rừng trồng gỗ lớn; tình trạng tranh chấp đất rừng diễn ra nhiều năm chưa được giải quyết dứt điểm; công tác quy hoạch bảo

vệ và phát triển rừng ở một số nơi vẫn còn bất cập so với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- **Về diêm nghiệp:** Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất muối chưa được đầu tư đúng mức; giá muối thấp, bấp bênh ảnh hưởng đến cuộc sống của diêm dân, diện tích và sản lượng sản xuất muối hàng năm; cơ chế, chính sách của Tỉnh hỗ trợ chưa khuyến khích và đảm bảo cho diêm dân sống được với nghề...

- **Về thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020:** Trong những năm qua đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại 2 cửa biển Mỹ Á, Sa Huỳnh tạo điều kiện thuận lợi cho tàu thuyền neo, đậu, tránh trú. Tuy nhiên, hàng năm lượng cát bồi lắng tại cửa biển Sa Huỳnh rất lớn làm cho tàu có công suất lớn không thể ra vào, mặc dù các cấp, các ngành đã quan tâm đầu tư nhưng hiện chưa được giải quyết triệt để.

- **Về cơ sở hạ tầng thủy lợi:** Cơ sở hạ tầng thủy lợi trong những năm qua đã được quan tâm đầu tư để phục vụ sản xuất, nhưng nguồn vốn đầu tư phát triển được bố trí hàng năm chưa đáp ứng so với nhu cầu. Mặt khác, nhiều công trình thủy lợi bị thiệt hại nặng do thiên tai, lũ lụt gây ra trên địa bàn thị xã nhưng chưa được đầu tư sửa chữa, nâng cấp kịp thời để phục vụ sản xuất.

- **Về kinh tế tập thể (HTX NN):** Hầu hết các hợp tác xã quy mô nhỏ, thiếu tính năng động, mô hình kinh doanh nhỏ lẻ, manh mún, nguồn vốn hạn chế. Từ khi chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012 thì tư duy quản lý của HTX chưa thích ứng với cơ chế thị trường; cán bộ làm việc trong HTX cơ bản được đào tạo nhưng hiệu quả hoạt động chưa cao; tính liên minh liên kết còn yếu.

2. Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan

- Điểm xuất phát của ngành nông nghiệp thấp, thu nhập của người dân nông thôn chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Trong khi đó, tình hình sản xuất còn nhiều khó khăn, nông nghiệp chịu ảnh hưởng, lệ thuộc vào thời tiết; thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản thường xuyên xảy ra; biến đổi khí hậu (hạn hán, xâm nhập mặn) ngày càng diễn biến phức tạp, giá vật tư đầu vào tăng cao, giá bán bấp bênh, thị trường tiêu thụ không ổn định,... ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nông dân, nông thôn.

- Nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế, chưa đáp ứng kịp thời so với nhu cầu thực tế của các địa phương, nhất là nguồn vốn để đầu tư hạ tầng nông thôn như giao thông, thủy lợi,...

- Quy mô kinh tế nông hộ còn nhỏ, hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã chưa mạnh, chưa thực sự vươn lên. Qua giám sát cho thấy, hoạt động của các

hợp tác xã trên địa bàn chưa phát huy được hiệu quả thực sự, nên cũng có những hạn chế nhất định khi tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng.

b) Chủ quan

- Việc nhận thức về vị trí, vai trò, trách nhiệm của việc thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của một số cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa đầy đủ, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào đầu tư của Nhà nước. Nhiều địa phương việc triển khai đề án tái cơ cấu nông nghiệp còn chậm chưa đồng bộ, chưa quyết liệt; nhận thức về tái cơ cấu còn chậm và chưa đầy đủ; hình thức tổ chức sản xuất còn chậm đổi mới; công tác tuyên truyền chưa thật sự đi vào chiều sâu; hoạt động nghiên cứu và chuyển giao và ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất đạt hiệu quả chưa cao, sự tham gia của doanh nghiệp còn hạn chế.

- Sự phối hợp thực hiện giữa các ngành, địa phương có lúc chưa chặt chẽ, thường xuyên, nhất là phong trào xây dựng nông thôn mới. Thiếu sự chủ động trong công tác lãnh, chỉ đạo, việc xây dựng kế hoạch/chương trình, giải pháp thực hiện, đôi lúc còn thiếu sự kiểm tra, đôn đốc, công tác tổ chức thực hiện chưa sát với tình hình thực tế tại địa phương.

- Việc nhận thức vị trí, vai trò, trách nhiệm trong thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nông thôn chưa đầy đủ. Cho rằng, trách nhiệm này là của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nên đã hạn chế phần nào trong công tác tổ chức triển khai thực hiện. Nhiều địa phương việc triển khai thực hiện chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp chưa đồng bộ, chưa quyết liệt; nhận thức về tái cơ cấu còn chậm và chưa đầy đủ; hình thức tổ chức sản xuất còn chậm đổi mới; hoạt động nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật hiệu quả chưa cao.

III. Mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn; đảm bảo an ninh lương thực và an ninh quốc phòng. Đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu

cơ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn quốc.

1.2. Một số chỉ tiêu cụ thể

- Cơ cấu kinh tế Nông - lâm - ngư nghiệp: 10%.
- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân từ 3-3,5%/năm.
- Giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất canh tác đạt 87 triệu đồng.
- Ổn định độ che phủ rừng từ 42% trở lên.
- Có 99 % hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.
- Ổn định tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp đạt 45%.
- Trên 50% HTX hoạt động có hiệu quả; có từ 1-2 hợp tác xã nông nghiệp tham gia liên kết theo chuỗi giá trị.
- Về nông thôn mới: Có từ 4-5 xã đạt nông thôn mới nâng cao; đến năm 2025 thị xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Nhiệm vụ

2.1. Cơ cấu theo 03 nhóm sản phẩm

a) Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia, của tỉnh.

Tập trung đầu tư, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, gắn với công nghiệp chế biến nông sản theo hình thức liên kết chuỗi giá trị bền vững. Ưu tiên nguồn lực đầu tư để thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng các chuỗi giá trị gắn với hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và phát triển thương hiệu. Tăng cường liên kết vùng, liên kết ngành để đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh, nhóm sản phẩm đặc sản địa phương.

Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh. Đẩy mạnh sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt và tương đương, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; tăng cường chế biến để đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc rõ ràng.

Đối với các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh có tiềm năng phát triển quy mô lớn, tăng cường liên kết giữa các địa phương để tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung, áp dụng cơ giới hóa gắn với công nghiệp chế biến nông sản; có giải pháp và nguồn lực để mở rộng quy mô, chất lượng và thương hiệu sản phẩm để bổ sung vào nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia khi đủ điều kiện.

Định hướng phát triển các nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia, nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh:

- Lúa gạo (*sản phẩm chủ lực quốc gia*): Nâng cao hiệu quả sử dụng đất lúa, trong đó duy trì diện tích gieo trồng lúa trên địa bàn thị xã hàng năm đạt 10.000 ha trở lên để đảm bảo sản lượng đạt trên 60.000 tấn lúa/năm đảm bảo nhu cầu tiêu dùng lương thực trên địa bàn thị xã; Tỷ lệ sử dụng giống xác nhận lên khoảng 90%. Phát triển vùng sản xuất tập trung, sử dụng giống lúa có năng suất, chất lượng. Đẩy mạnh phát triển sản xuất gạo hữu cơ và đa dạng các sản phẩm chế biến từ gạo và phụ phẩm của lúa gạo (rơm, rạ, trấu, cám) để tăng giá trị gia tăng.

- Cây ngô: Đến năm 2025, diện tích là 350 ha. Vùng sản xuất ngô chủ yếu bố trí tại các bãi đất bồi, đất thổ, ven sông và trồng phân tán, rải rác ở các xã, phường Phở Văn, Phở Ninh, Phở Hòa, Phở Thuận... Phấn đấu năng suất bình quân đến năm 2025 đạt 60,0 tạ/ha, sản lượng đạt 2.100 tấn.

- Sắn: Từ năm 2021 đến năm 2025, quy hoạch diện tích trồng sắn hàng năm khoảng 400 ha. Đầu tư thâm canh sắn để đến năm 2025 đạt năng suất 200 tạ/ha, sản lượng khoảng 80.000 tấn, đáp ứng đủ nguyên liệu phục vụ chế biến tinh bột, chế biến thức ăn chăn nuôi. Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, quy trình kỹ thuật canh tác bền vững; áp dụng cơ giới hóa, tăng hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Cây Rau: Quy hoạch diện tích canh tác rau đến năm 2025 là 800 ha, năng suất bình quân 185 tạ/ha, sản lượng ước đạt 14.800 tấn. Vùng trồng rau tập trung chủ yếu ở các xã, phường Phở Văn, Phở Minh, Nguyễn Nghiêm, Phở Vinh, Phở Hòa, Phở Ninh...; gồm các chủng loại rau chủ yếu là: Rau ăn lá, rau ăn quả và các loại rau gia vị.

- Cây trồng đa dạng hóa sản phẩm:

+ Cây lạc: Diện tích đến năm 2025 là 700 ha; năng suất đạt bình quân 24 tạ/ha, sản lượng đạt 1.680 tấn.

+ Đậu các loại: Đến năm 2025 đạt khoảng 30 ha; năng suất bình quân đạt 20 tạ/ha, sản lượng đạt 60 tấn.

- Cây ăn quả: Đến năm 2025, quy hoạch, cải tạo lại vườn tạp, vườn hộ gia đình và trồng phân tán khoảng 100 ha. Phát triển đa dạng các loại cây ăn quả; trong đó ưu tiên phát triển một số loại cây ăn quả giá trị kinh tế cao, có lợi thế như: Bưởi da xanh, thanh long ruột đỏ, măng cầu dai,... và một số cây ăn quả truyền thống: mít, chuối, xoài,.....

- Đối với vật nuôi: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các mô hình phát triển chăn nuôi bò cái lai sinh sản, bò thịt; chủ động phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; giám sát việc chấp hành quy định về bảo vệ môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, giết mổ. Triển khai có hiệu quả chuyển dịch cơ cấu đàn theo hướng tăng tỷ trọng các loài vật nuôi có giá trị, có thị trường tiêu thụ. Đến năm

2025, tổng đàn bò 36.500 con, đàn lợn 18.200 con, đàn trâu 1.000 con, tỷ lệ lai 96%.

- Tôm: Phát triển ngành tôm theo hướng ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học. Ổn định diện tích nuôi tôm khoảng 300 ha/2 vụ, sản lượng đạt khoảng 2.900 tấn. Tăng cường chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của cả thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Gỗ, sản phẩm từ gỗ, lâm sản ngoài gỗ: Tập trung phát triển rừng trồng gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ, đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ và thị trường lâm sản; sản lượng gỗ rừng trồng khai thác (gỗ tròn) đạt khoảng 95.000 m³.

b) Nhóm sản phẩm đặc sản địa phương

- Tập trung triển khai các cơ chế, chính sách, giải pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực tổ chức sản xuất, từng bước tiếp cận thị trường bền vững theo chuỗi giá trị sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế nhằm phát huy bản sắc, khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo và niềm tự hào của người dân, thúc đẩy tổ chức và đảm bảo giá trị của cộng đồng trong phát triển sản phẩm OCOP gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Hoàn thiện sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác gắn với truy xuất nguồn gốc, thương hiệu địa phương và nhãn hiệu hàng hóa;

- Một số sản phẩm cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện bảo tồn nguồn gen, phát triển nhóm sản phẩm đặc trưng của địa phương gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) như nếp ngự Sa Huỳnh...

2.2. Cơ cấu lại sản xuất theo từng lĩnh vực

a) Lĩnh vực trồng trọt

Quản lý và sử dụng hiệu quả đất chuyên trồng lúa, chuyên đổi linh hoạt giữa trồng cây lương thực và cây thực phẩm. Tập trung phát triển sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, năng suất cao, giá trị lớn và có khả năng xuất khẩu.

Tổng sản lượng lương thực đến năm 2025 đạt 60.000 tấn; Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân từ 3-3,5%/năm; giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất canh tác nông nghiệp 87 triệu đồng/năm.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

Chuyển đổi cơ cấu đàn vật nuôi, hướng tới giảm tỷ trọng đàn lợn, tăng tỷ trọng đàn gia cầm và gia súc ăn cỏ, cơ cấu sản phẩm chăn nuôi: Thịt heo chiếm

từ 63 - 65%, thịt gia cầm chiếm từ 26 - 28%, thịt gia súc ăn cỏ chiếm từ 8 - 10%; tỷ trọng gia súc và gia cầm được giết mổ tập trung công nghiệp đạt tương ứng khoảng 10 - 20%; tỷ trọng thịt gia súc, gia cầm được chế biến so với tổng sản lượng thịt từ 25 - 30%.

Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi tuần hoàn ở cả quy mô trang trại và hộ chăn nuôi chuyên nghiệp, bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường.

c) Lĩnh vực thủy sản

Phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ quốc phòng, an ninh trên các vùng biển. Ổn định diện tích nuôi, tăng đầu tư theo chiều sâu về công nghệ nuôi và hạ tầng, trang thiết bị hiện đại để tăng năng suất, bảo vệ môi trường và hạn chế nguy cơ dịch bệnh; tập trung vào các đối tượng có giá trị kinh tế cao; phát triển nuôi trồng thủy sản hữu cơ. Tăng cường khai thác thủy sản vùng khơi hiệu quả, bền vững trên cơ sở trữ lượng nguồn lợi thủy sản; xây dựng cơ cấu tàu thuyền, nghề nghiệp. Tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản vùng lộng, ven bờ và khai thác nội địa hợp lý, gắn phát triển sinh kế của cộng đồng ngư dân với nuôi trồng thủy sản và du lịch sinh thái.

Cơ cấu tàu thuyền khai thác theo hướng giảm dần tàu có chiều dài dưới 15 mét khai thác vùng biển ven bờ và vùng lộng; tiếp tục giảm tỷ lệ nghề lưới kéo xuống dưới 25%, khuyến khích chuyển đổi sang các nghề khai thác thân thiện với môi trường như tăng nghề rê khơi, nghề câu và nghề vây. Xây dựng hình thành 1 - 2 chuỗi liên kết sản xuất (khai thác, nuôi trồng) - chế biến - tiêu thụ sản phẩm thủy sản. Phân đầu 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và đảm bảo đúng các quy định của nhà nước về sản xuất kinh doanh thủy sản.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp

Đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế rừng, gắn trồng rừng gỗ lớn với chương trình bảo vệ và phát triển rừng. Tiếp tục thực hiện một số mô hình quản lý kinh doanh lâm nghiệp bền vững trên địa bàn thị xã đã triển khai thành công như mô hình: Trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn. Việc chuyển sang kinh doanh rừng trồng gỗ lớn đã góp phần nâng cao giá trị kinh tế của rừng, ổn định đầu ra cho các sản phẩm từ rừng, góp phần giải quyết nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến hàng hóa xuất khẩu đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường trong nước và quốc tế.

đ) Lĩnh vực diêm nghiệp

Sản lượng muối đạt 12.000 tấn; trong đó, sản lượng muối sạch đạt 6.000 tấn chiếm 50% tổng sản lượng muối; cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối;

ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, chế biến muối và xây dựng mạng lưới thị trường tiêu thụ muối ổn định và đảm bảo có lãi. Bước đầu thí điểm mô hình phát triển nghề muối gắn với du lịch nông thôn.

e) Lĩnh vực thủy lợi

- Về cấp nước: Nâng mức đảm bảo nước tưới cho diện tích lúa trên 95%; cấp và tạo nguồn cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp trên địa bàn thị xã; mở rộng cấp nước tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn có giá trị kinh tế cao; cấp nước cho hoạt động kinh tế ven biển và dịch vụ nghề cá.

- Phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu: Chủ động ứng phó có hiệu quả với các tác động bất lợi của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, xói lở bờ sông, bờ biển, đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du đập, hồ chứa nước thủy lợi, kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và giải pháp phi công trình.

f) Lĩnh vực phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới. Đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động ở nông thôn; chuyển dịch lao động nông thôn sang lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ và các ngành nghề khác.

3. Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo vùng

Đẩy mạnh liên kết vùng trong phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững giữa các địa phương nhằm khai thác lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng và của từng địa phương, cụ thể:

- Khu vực miền núi: Bảo vệ tốt rừng tự nhiên, rừng phòng hộ đầu nguồn để duy trì nguồn nước, bảo vệ đất, đặc biệt ở những khu vực có nguy cơ xói mòn cao. Chú trọng phát triển mạnh trồng rừng gỗ lớn; phát triển rừng trồng sản xuất, cây lâm sản ngoài gỗ với quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản.

- Khu vực đồng bằng: Phát triển sản xuất thâm canh, công nghệ cao; phát triển vùng sản xuất lúa chất lượng cao, lúa hữu cơ; phát triển rau, cây ăn quả; rà soát, chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng, chăn nuôi có hiệu quả kinh tế cao hơn. Phát triển chăn nuôi áp dụng công nghệ cao, tập trung vào các đối tượng nuôi chủ lực là lợn, gia cầm, bò; đầu tư trọng điểm xây dựng một số cơ sở sản xuất, kinh doanh giống có chất lượng và hiệu quả kinh tế cao.

- Vùng ven biển: Phát triển nuôi thủy sản nước lợ ở khu vực cửa sông, cửa biển; nuôi thủy sản thâm canh, ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học vùng ven biển gắn với bảo vệ môi trường.

4. Các giải pháp thực hiện

4.1. Phát triển nông nghiệp toàn diện, chú trọng ứng dụng công nghệ cao, gia tăng giá trị sản xuất

Tiếp tục tái cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp theo hướng ưu tiên phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn, phát triển nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm nông nghiệp sạch, có giá trị kinh tế cao phục vụ đô thị và du lịch, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh trong nông nghiệp.

Mở rộng diện tích sản xuất ứng dụng công nghệ cao. Quy hoạch vùng nguyên liệu và khuyến khích đầu tư sản xuất các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch (rau, hoa) để gia tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp, phục vụ nhu cầu tiêu dùng và du lịch.

Tiếp tục thực hiện giảm dần chăn nuôi hộ gia đình, phát triển chăn nuôi tập trung, đầu tư công nghệ cao, chuyên dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng đa dạng hóa đối tượng nuôi nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Tập trung quản lý bảo vệ rừng theo mục tiêu chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững; phối hợp rà soát, điều chỉnh cấm mốc ranh giới 03 loại rừng giai đoạn 2021 - 2030; phối hợp triển khai thực hiện Chính sách hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, hỗ trợ chuyển hóa rừng; tập trung chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, nâng cao hiệu quả trồng rừng kinh tế, trồng rừng gỗ lớn, nâng cao độ che phủ rừng.

Tập trung xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, quảng bá sản phẩm nông nghiệp, đẩy mạnh liên kết trong tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, từng bước nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường, nâng cao sản lượng và chất lượng hàng hóa, hình thành thêm 2-3 nhãn hiệu hàng hóa, xây dựng và được công nhận từ 3-5 sản phẩm OCOP.

Tiếp tục chuyển đổi đất không sản xuất được do thực hiện các dự án, do thiếu nước tưới, do khai thác khoáng sản.

Đẩy mạnh khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thông qua các danh mục, dự án khuyến khích đầu tư trình UBND tỉnh ban hành.

Ươm tạo và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt đối với các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng.

4.2. Nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

Giai đoạn 2021 - 2025, tiếp tục khẳng định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm lâu dài, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và nhân dân

toàn thị xã. Trong đó xác định mục tiêu chung là xây dựng Nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từng bước hiện đại theo hướng đô thị; gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững.

Vận dụng các chính sách huy động nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới giai đoạn trước, tiếp tục đề xuất cơ chế chính sách mới triển khai trong giai đoạn 2021 - 2025; rà soát, đề xuất danh mục đầu tư xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã giai đoạn 2021 - 2025. Tập trung thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã kiểu mẫu.

4.3. Tập trung phát triển, nâng cao hiệu quả và đóng góp của ngành thương mại - dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống

Đầu tư nâng cấp mạng lưới chợ nông thôn đảm bảo văn minh thương mại, an toàn thực phẩm. Tập trung xóa bỏ các chợ cóc; xây dựng lộ trình xóa bỏ chợ tạm trên địa bàn thị xã. Đẩy mạnh kêu gọi đầu tư các trung tâm thương mại, siêu thị văn minh, điểm bán hàng lưu niệm trên địa bàn. Bên cạnh đó, khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để hình thành và phát triển các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống.

4.4. Tập trung phát triển mạnh công nghiệp, kêu gọi đầu tư vào các khu/cụm công nghiệp trên địa bàn gắn với giải quyết việc làm

Huy động đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp hiện đại, đồng bộ, có các dịch vụ tiện ích phục vụ hoạt động của doanh nghiệp đồng thời đặc biệt chú trọng quản lý và xử lý tốt các nguồn thải công nghiệp như nước thải, khí thải, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại.

Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ cho các lĩnh vực cơ khí, cơ điện tử, điện tử, công nghệ thông tin, viễn thông... phục vụ cho các doanh nghiệp lớn, các doanh nghiệp trong khu công nghiệp trên địa bàn và các khu công nghiệp tập trung của tỉnh, các địa phương khác trong vùng.

UBND thị xã Đức Phổ kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Văn Phòng thị xã;
- Lưu: VT, PKT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Minh Vương

